

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **321/2018/HNGĐ_ST**
Ngày: 13/9/2018
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Minh Nhựt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Thìn – Cán bộ hưu trí

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên Hiệp phụ nữ Tp.Biên Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Thu Thương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:*** Bà Đặng Hoàng Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2018, tại Hội trường 06 – Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 788/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 334/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trương Văn X**, sinh năm 1965

2. *Bị đơn:* Bà **Đào Hồng Y**, sinh năm 1972

Địa chỉ: 109/N7A, Phan Chu Trinh, Kp.01, P.Quang Vinh, Tp.Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

(ông X xin vắng mặt, bà Y vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Trương Văn X trình bày: Ông và bà Đào Hồng Y tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1988, đến năm 1997 mới làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc và có với nhau được hai người con chung nhưng đến đầu năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính xuất phát từ việc bà Y thường xuyên bài bạc, không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, con cái, bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất. Vợ chồng thường xuyên cãi vã, dẫn

đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Dù nhiều lần cố gắng hòa giải đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Y.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trương Hồng Tấn Tài, sinh năm 1988 và Trương Hồng Nhật Tiến, sinh năm 1992. Hiện nay, con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung khi ly hôn ông X xác định để vợ chồng tự thỏa thuận; về nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tuy nhiên bà Đào Hồng Y không thực hiện các nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến của bà Y về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai:

Về việc tuân thủ quy định của thẩm phán, thư ký, hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của bị đơn là không đúng quy định tại các Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

1. Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự và thẩm quyền giải quyết:
 - Nguyên đơn ông Trương Văn X khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Đào Hồng Y đối chiếu Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xác định quan hệ pháp luật của vụ án là tranh chấp ly hôn. Căn cứ vào Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định ông X là nguyên đơn, bà Y là bị đơn trong vụ án.
 - Bà Y có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa. Căn cứ các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
2. Về thủ tục tố tụng khác: Nguyên đơn ông X có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Y đã được Tòa án tiến hành triệu tập hợp lệ đến tham dự phiên tòa lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, không có lý do; căn cứ khoản 01, điểm b khoản 02 Điều 227, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.
3. Nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trương Văn X và bà Đào Hồng Y tự nguyện kết hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được UBND phường Quang Vinh, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 15 ngày 28/02/1997, căn cứ các điều 5,6,7,8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Ông X xác định trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân phát sinh từ việc bà Y cờ bạc, gây nợ nần và không chăm lo cho gia đình, nay các bên không còn tình cảm, đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Theo biên bản xác minh ngày 01/8/2018, địa phương xác định không biết cuộc sống của ông X bà Y có mâu thuẫn hay không vì họ không báo nhưng xét thấy ông X cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà Y cho thấy ông không còn tình cảm với bà Y, không mong muốn hòa giải đoàn tụ, kéo dài cuộc sống hôn nhân. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bà Y không đến Tòa án làm việc không thực hiện nghĩa vụ của bị đơn, cũng như không có ý kiến gì, từ đó cho thấy bà Y có ý bỏ mặc việc Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa hai người. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của ông X là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: ông X bà Y có hai con chung là Trương Hồng Tấn Tài, sinh năm 1988 và Trương Hồng Nhật Tiến, sinh năm 1992. Hiện nay, con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, ông X không yêu cầu giải quyết nên không xét.

- Về tài sản chung khi ly hôn ông X xác định để vợ chồng tự thỏa thuận; về nợ chung của vợ chồng khi ly hôn là không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, do bà Y không có ý kiến nên không thể xác thực về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, do đó các đương sự được quyền khởi kiện đối với phần này bằng một vụ án khác khi có yêu cầu

- Về án phí: Ông Trương Văn X phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 68, khoản 4 Điều 147; 227, 266 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 5,6,7,8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986.

Áp dụng các điều 51, 56, khoản 01 Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Văn X đối với bị đơn bà Đào Hồng Y về việc tranh chấp ly hôn.

Tuyên xử:

Ông Trương Văn X, sinh năm 1965 ly hôn với bà Đào Hồng Y, sinh năm 1972.

Về con chung: Đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Ông Trương Văn X phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 006611 ngày 04/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa. Ông X đã nộp đủ án phí theo quy định.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tp. Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Biên Hòa
- UBND P. Quang Vinh
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Minh Nhựt